

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 23-9-2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Pha;

Bà Triệu Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc Tranh chấp vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐST-DS ngày 20/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05a/QĐST-DS ngày 11/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/QĐST-DS ngày 20/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Phan Mạnh N, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu T, thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người giám định: Ông Hoàng Văn Đậu - Giám định viên tư pháp - Phó Trưởng phòng; Thuộc tổ chức giám định - Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, là đại diện, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/01/2022 bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Y trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trung K, còn chị Hà Thị H trước đây là con dâu của bà. Chị H và anh K kết hôn với nhau vào năm 2012. Năm 2018 chị H và anh K có mua đất ở khu T, địa chỉ ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khi mua đất bà có cho vợ chồng chị H và anh K vay số tiền 220.000.000 đồng. Khi bà đưa tiền cho chị H xong, bà có yêu cầu chị H viết giấy biên nhận vay tiền nhưng chị H không viết, bà đã viết giấy xác nhận vay tiền, yêu cầu chị H ra Ủy ban nhân dân xã T để xác nhận, nhưng chị H không ra, chị H có ký và ghi rõ họ tên vào giấy xác nhận ngày 18 tháng 5 năm 2018. Số tiền vay nêu trên chị H sử dụng vào mục đích mua đất ở. Sau khi ly hôn anh K, chị H đều đồng ý ngăn $\frac{1}{2}$ ngôi nhà và $\frac{1}{2}$ mảnh đất, nên anh K đã gọi thợ về ngăn $\frac{1}{2}$ ngôi nhà và $\frac{1}{2}$ mảnh đất, không phải bà ngăn lầy nhà.

Vợ chồng chị H, anh K đã ly hôn vào năm 2020, anh K và chị H hiện đang sở hữu mỗi người $\frac{1}{2}$ ngôi nhà và $\frac{1}{2}$ mảnh đất. Trong đó có số tiền 220.000.000 đồng, là tiền của bà cho vợ chồng chị H, anh K vay để mua đất.

Nay bà yêu cầu chị Hà Thị H và anh Nguyễn Trung K phải trả bà số tiền gốc 220.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả.

- Phía bị đơn chị Hà Thị H vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai chị Hà Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung K đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2020 chị xin ly hôn Tòa án huyện Văn Lãng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi ly hôn với anh Nguyễn Trung K thì bà Trần Thị Y là mẹ chồng của chị, sau khi chị ly hôn với anh K thì giữa chị và bà Y không còn quan hệ gì nữa.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 thì chị có mua mảnh đất ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với giá 330.000.000 đồng. Về tiền mua đất, chị có 110.000.000 đồng, bà Trần Thị Y có cho con trai là Nguyễn Trung K số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) để góp vào cùng chị mua mảnh đất nói trên. Sau khi mua đất xong thì chị có xây nhà trên đất, chị tự bỏ ra 700.000.000 đồng để xây nhà. Sau khi chị và anh Kiên ly hôn, năm 2021 bà Trần Thị Y đã xây ngăn nửa nhà và đất để cho người khác thuê.

Bản thân chị không được ký giấy vay mượn tiền với bà Y, chữ ký trong Giấy xác nhận ngày 18/5/2018 không phải chữ ký của chị, do bà Y tự ký vào. Chị không được vay mượn khoản tiền gì với bà Y.

Về việc bà Y yêu cầu chị và anh Nguyễn Trung K phải trả bà Y số tiền gốc 220.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả, chị không nhất trí trả vì số tiền 220.000.000 đồng là tiền bà Y cho anh K góp cùng chị mua đất. Nay

bà Y đã xây gần nửa nhà và đất để cho người khác thuê và bản thân chị cũng không được vay mượn tiền gì với bà Y, không được ký giấy tờ gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung K vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai trình bày: Anh có quan hệ với bà Trần Thị Y là mẹ con, chị H là vợ của anh, đã ly hôn năm 2020, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng một đến hai tháng sau khi ly hôn thì chị H tự ý cắt hộ khẩu của anh tại Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó anh chuyển về sống tại Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Anh không được vay mượn bà Y số tiền 220.000.000 đồng để mua đất ở thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Việc vay mượn số tiền 220.000.000 đồng chỉ giữa bà Trần Thị Y với chị Hà Thị H, thời điểm đó anh đang làm bên Trung Quốc nên anh không được biết. Sau này khi chị H với bà Y đi mua đất ở thôn B thì anh mới biết hai người đó mua đất. Bản thân anh không được ký giấy vay mượn tiền với bà Y.

Mặc dù anh không được vay mượn bà Y số tiền 220.000.000 đồng, tiền đó là chị H tự vay mượn với bà Y. Tuy nhiên thời điểm đó anh và chị H vẫn còn là vợ chồng, anh cũng phải có trách nhiệm trả cho bà Y 110.000.000 đồng. Hiện tại anh vẫn đang quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị mảnh đất và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà trên đất tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Anh là người gọi thợ về ngăn lầy $\frac{1}{2}$ ngôi nhà và $\frac{1}{2}$ đất, hai vợ chồng anh đều nhất trí.

Nay bà Y yêu cầu anh và chị Hà Thị H phải trả bà Y số tiền gốc 220.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả, anh nhất trí. Cụ thể anh có trách nhiệm trả bà Y 110.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả, còn chị H có trách nhiệm trả bà Y 110.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Người làm chứng anh Phan Mạnh N vắng mặt tại phiên tòa tại biên bản lấy lời khai anh Phan Mạnh N trình bày: Anh thấy chị H đèo bà Y đi Ngân hàng Đ rút tiền, không rõ ngày nào. Sau đó bà Y, chị H có vào nhà anh chơi, mang theo tiền, anh được biết mảnh đất mua với giá 330.000.000 đồng, việc giao tiền lúc nào anh không nắm được. Anh nghe bà Y nói với anh rằng cho vợ chồng chị H, anh K hơn 200.000.000 đồng mua đất.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án và các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định pháp luật. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 159; khoản 4 Điều 161; khoản 1 Điều 162; Điều 244; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 và

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y về việc yêu cầu Đòi lại tài sản, buộc chị Hà Thị H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Y số tiền 110.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Trung K có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Y số tiền 110.000.000 đồng.

Về chi phí giám định: Buộc chị Hà Thị H phải chịu chi phí giám định 6.000.000 đồng, do yêu cầu của bà Trần Thị Y được chấp nhận.

Về án phí: Buộc chị Hà Thị H phải chịu án phí dân sự thẩm có giá ngạch của số tiền 110.000.000 đồng, là 5.500.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí dân sự thẩm có giá ngạch của số tiền 110.000.000 đồng, là 5.500.000 đồng. Bà Trần Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại tiền gốc 220.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả, khi thụ vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp vay tài sản, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại tiền cho mượn để mua đất, do đó tranh chấp giữa các bên đương sự được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt đương sự: Chị Hà Thị H là bị đơn, anh Nguyễn Trung K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Hà Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung K.

[1.3] Về thẩm quyền Tòa án giải quyết: Bị đơn chị Hà Thị H có nơi cư trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, thụ lý và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 02/12/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/01/2022 bà yêu cầu chị Hà Thị H, anh Nguyễn Trung K trả số tiền 220.000.000 đồng và lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu yêu cầu, chỉ yêu bị đơn chị Hà

Thị H trả lại số tiền 110.000.000 đồng và yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung K trả lại số 110.000.000 đồng, bà Trần Thị Y cho chị H, anh K mượn không yêu cầu trả lãi, nay bà Y đòi lại. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không ai ép buộc và không vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 26/02/2018 bà Trần Thị Y có cho vợ chồng chị H, anh K mượn số tiền 220.000.000 đồng để mua đất làm nhà, đến năm 2020 chị H và anh K ly hôn bà đã yêu cầu chị H trả tiền nhiều lần nhưng chị không chịu trả nên hai bên phát sinh tranh chấp, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại 110.000.000 đồng và yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại 110.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 110.000.000 đồng và bị đơn không đồng ý trả, bị đơn chị H cho rằng bà Y cho tiền anh K là con trai bà Y, để góp cùng chị mua đất làm nhà, bà Y đã ngăn lầy một nửa ngôi nhà chị đã bỏ tiền ra xây nhà 700.000.000 đồng và chị không được ký vào giấy xác nhận vay tiền, chữ ký trong giấy xác nhận không phải của bị đơn, nhưng bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký, nhưng bị đơn cũng khẳng định là nguyên đơn có cho chồng là anh Nguyễn Trung K 220.000.000 đồng để mua đất. Như vậy, nguyên đơn có cho bị đơn chị H mượn số tiền 220.000.000 đồng (lúc đó chị H và anh K là vợ chồng, chưa ly hôn đang trong thời kỳ hôn nhân) để mua đất là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 110.000.000 đồng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại số tiền 110.000.000 đồng, xác định đây là khoản tiền của cá nhân nguyên đơn cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay để mua đất, tại thời điểm cho vay anh K là con trai, chị H là con dâu, nên các bên không thỏa thuận lãi suất. Nay chị H và anh K đã ly hôn, hiện mỗi người đang quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ mảnh đất và $\frac{1}{2}$ căn nhà, chứ không phải bà Y ngăn lầy $\frac{1}{2}$ căn nhà như chị H trình bày. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 110.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý trả, bị đơn cũng thừa nhận được nguyên đơn cho 220.000.000 đồng để mua đất, nhưng bị đơn không thừa nhận được ký giấy xác nhận với bà Y, chữ ký trong Giấy xác nhận ngày 18/5/2018 không phải chữ ký của chị. Ngày 22/8/2022 bà Trần Thị Y có đơn yêu cầu giám định, tại Kết luận giám định số 377/KL-KTHS ngày 19/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Hà Thị H” dưới mục “con dâu” trên tài liệu cần giám định A so với chữ ký, chữ viết mang tên Hà Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh chữ ký M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra (bút lục số 42, 43, 45, 62).

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Hà Thị H trả lại cho bà Trần Thị Y số tiền 110.000.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Trung K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu đồng chẵn) đồng. Điều này cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm.

[6] Về chi phí giám định: Số tiền chi phí giám định là 6.000.000 đồng, số tiền này bà Trần Thị Y đã nộp tạm ứng trước. Do yêu cầu của bà Trần Thị Y được

chấp nhận, nên chị Hà Thị H phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của bà Trần Thị Y được chấp nhận. Buộc chị Hà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 đồng (án phí có giá ngạch của số tiền 110.000.000 đồng); anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 đồng (án phí có giá ngạch của số tiền 110.000.000 đồng). Bà Trần Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí Tòa án số AA/2021/0001894 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, bà Trần Thị Y đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 đồng. Bà Trần Thị Y được hoàn trả lại số tiền là 5.500.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 166; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 159; khoản 4 Điều 161; khoản 1 Điều 162; Điều 244; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 2, 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Y.

1.1. Buộc bị đơn chị Hà Thị H có trách nhiệm trả cho bà Trần Y số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

1.2. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung K có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Y số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng.

3. Về chi phí giám định: Buộc chị Hà Thị H phải chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Chị Hà Thị H phải nộp số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, để trả lại cho bà Trần Thị Y.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Buộc chị Hà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

4.2. Buộc anh Nguyễn Trung K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

Bà Trần Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí Tòa án số AA/2021/0001894 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, bà Trần Thị Y đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng. Bà Trần Thị Y được hoàn trả lại số tiền là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Triệu Thị Máy